

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trong phiên hôm nay dưới tác động từ diễn biến tiêu cực ở nhóm cổ phiếu ngân hàng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ khi NĐT tỏ ra thận trọng chờ đợi diễn biến bầu cử Mỹ.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

POW, LPB

[Quan điểm đầu tư]

Chiến lược giao dịch qua đêm: Nắm giữ vị thế SHORT đã mở ở vùng giá cao nhưng cần STOP và chờ mở lại ở vùng cản xa nếu chỉ số bứt phá thành công qua vùng cản gần.

05/11/2020

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 937.75 | -0.21 |
| VN30 | 903.64 | -0.20 |
| HĐTL VN30F1M | 910.20 | -0.23 |
| HNXIndex | 138.30 | -1.24 |
| HNX30 | 252.86 | -0.75 |
| UPCoM | 63.31 | -0.30 |
| USD/VND | 23,177 | +0.04 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.56 | -4 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.16 | +5 |
| Dầu (WTI, \$) | 38.70 | -1.15 |
| Vàng (LME, \$) | 1,919.01 | +0.85 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 937.75 (-0.21%)
KLGD (triệu CP) 270.4 (-13.9%)
GTGD (triệu US\$) 275.3 (-9.4%)

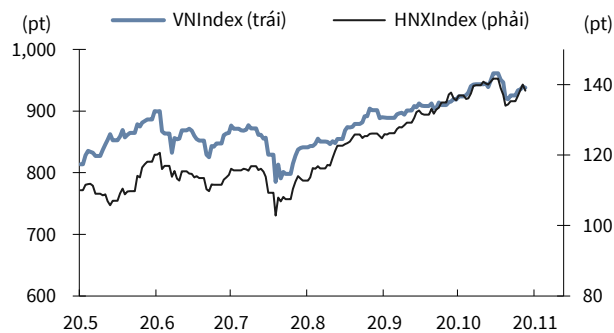
HNXIndex 138.30 (-1.24%)
KLGD (triệu CP) 34.7 (-21.5%)
GTGD (triệu US\$) 20.7 (-26.3%)

UPCoM 63.31 (-0.30%)
KLGD (triệu CP) 13.2 (-10.4%)
GTGD (triệu US\$) 7.4 (-14.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.3

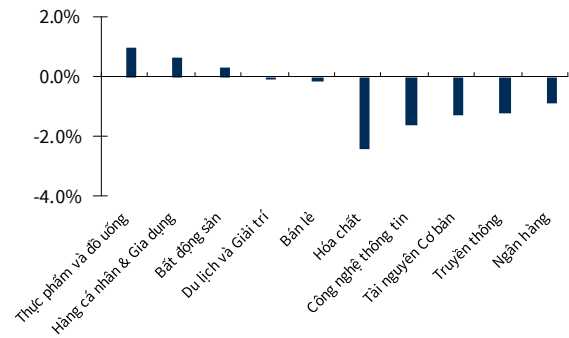
TTCK Việt Nam giảm điểm trong phiên hôm nay dưới tác động từ diễn biến tiêu cực ở nhóm cổ phiếu ngân hàng. Cụ thể, báo cáo tài chính quý 3 của các ngân hàng cho thấy nợ xấu có xu hướng gia tăng khiến cổ phiếu các ngân hàng điều chỉnh ở CTG (-1.1%), BID (-1.8%). Thông tin Bộ Thương mại Mỹ (DOC) mới đây công bố quyết định sơ bộ trong cuộc điều tra chống bán phá giá rằng các công ty xuất khẩu lốp xe chở khách và xe tải hạng nhẹ từ Việt Nam đã bán phá giá với biên độ từ 6,23% đến 10,08% khiến cổ phiếu các doanh nghiệp trong ngành này điều chỉnh ở DRC (-0.5%), CSM (-1.2%). Đà hồi phục của giá dầu thế giới chững lại trước các lo ngại về tình hình dịch Covid-19, khiến cổ phiếu dầu khí điều chỉnh ở GAS (-0.6%), PVS (-0.7%). Bộ Công Thương dự báo trong 2 tháng cuối năm 2020, thậm chí nửa đầu quý I/2021, ngành dệt may vẫn tiếp tục đối mặt với khó khăn do thiếu đơn hàng khiến cổ phiếu nhóm dệt may giảm TCM (-1.2%), VGT (-1.2%) giảm giá. Khối ngoại bán ròng ở MSN (+4.39%), HPG (-1.31%), VHM (-0.26%).

VNIndex & HNXIndex



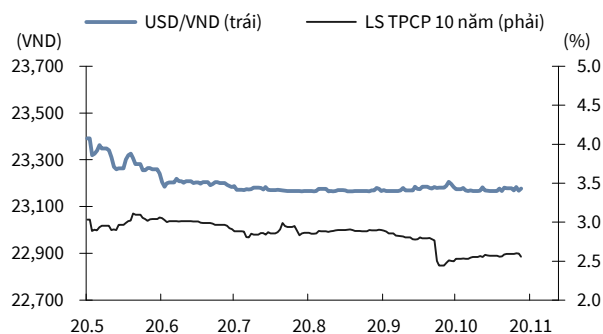
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



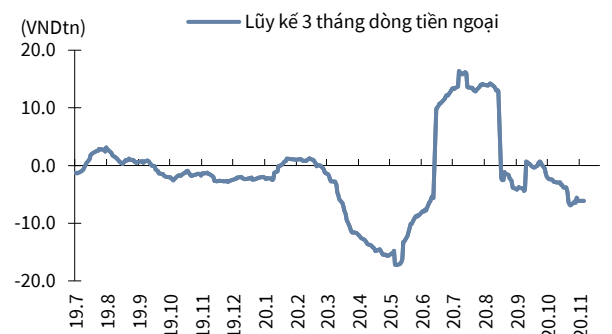
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

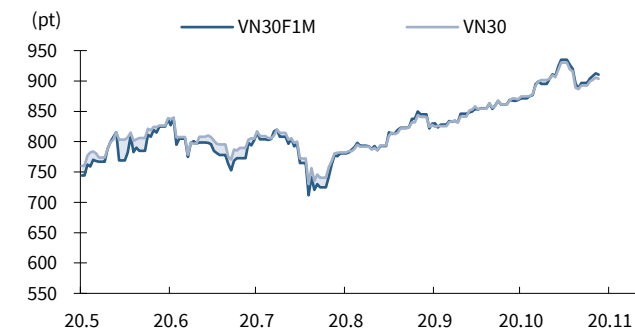
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|------------------------|
| VN30 | 903.64 (-0.20%) |
| VN30F1M | 910.2 (-0.23%) |
| Mở cửa | 914.4 |
| Cao nhất | 920.0 |
| Thấp nhất | 909.5 |

HĐTL giảm nhẹ khi NĐT tỏ ra thận trọng chờ đợi diễn biến bầu cử Mỹ. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở mức 9.02 và giao động giằng co trong phiên quanh 4.7 và 7.5 trước khi đóng cửa ở mức 6.56. NĐTNN mua nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản không nhiều thay đổi và giữ ở mức thấp trong giai đoạn chờ kết quả bầu cử Mỹ.

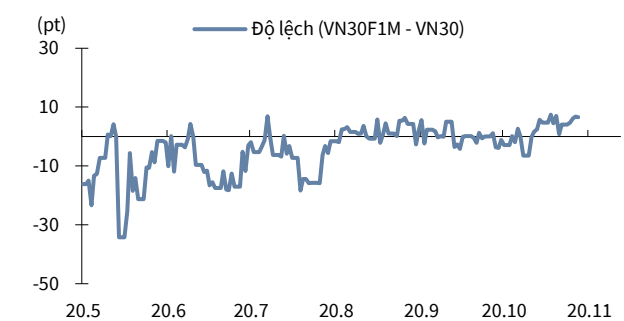
KLGD (HĐ) **132,330 (+4.7%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



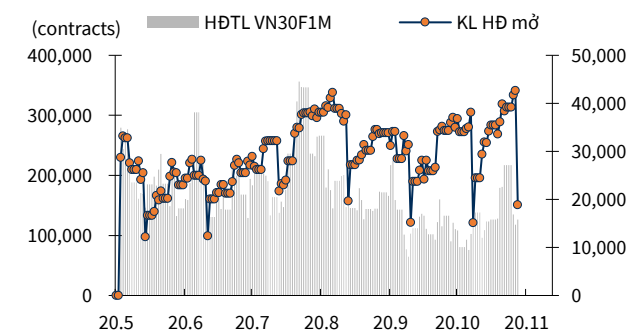
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



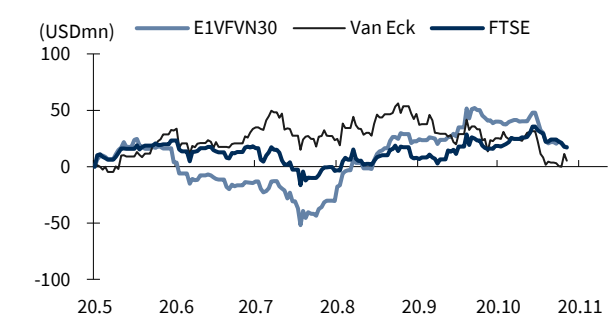
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

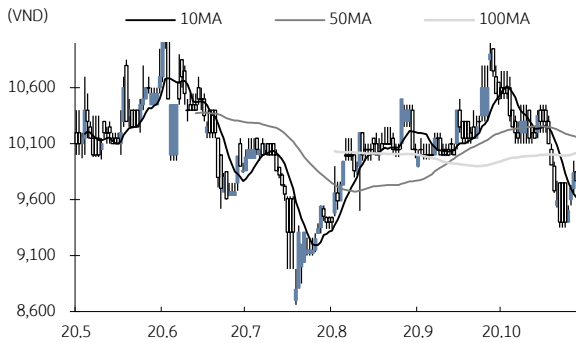
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

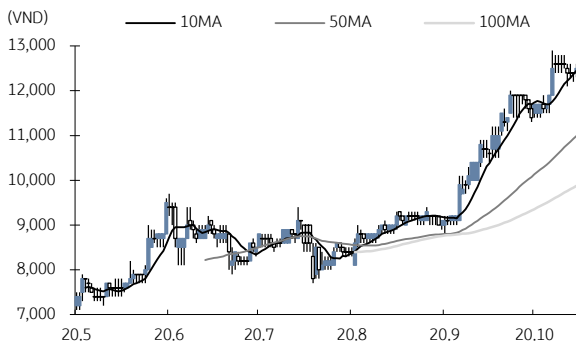
PVPower (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm -0.7% xuống 9,770 VNĐ/cp.
- POW cho biết dự kiến kết quả kinh doanh quý 4 với lợi nhuận 768 tỷ đồng (+ 92% YoY), doanh thu 7,361 tỷ đồng (-20% YoY) và sản lượng điện ba tháng cuối năm ước đạt 4,526 tỉ kWh. Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nhơn Trạch 3,4, POW đang chuẩn bị thủ tục lựa chọn nhà thầu EPC triển khai các phần việc liên quan đến giải phóng mặt bằng, hạ tầng thi công, phần đấu khởi công vào năm 2021. Bên cạnh đó, PV Power đang có kế hoạch triển khai bổ sung dự án nhà máy điện khí LNG Cà Mau 3 và dự án kho cảng cung cấp LNG Nam Du vào quy hoạch phát triển công nghiệp khí Việt Nam.

Liên Việt Post Bank (LPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- LPB đang chờ niêm yết HSX.
- LPB thông báo chốt quyền trả cổ tức 2019 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%, ngày đăng ký cuối cùng là 04/12/2020. Theo đó Ngân hàng dự kiến phát hành 97.7 cổ phiếu cho cổ đông, nguồn thực hiện trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12.
- Trước đó, Sở GDCK TP HCM cũng đã thông báo 09/11 là ngày giao dịch đầu tiên, sau khi hủy niêm yết trên Upcom, của LPB với gần 977 triệu cổ phiếu trên HoSE với giá tham chiếu 11,800 đồng/cp.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

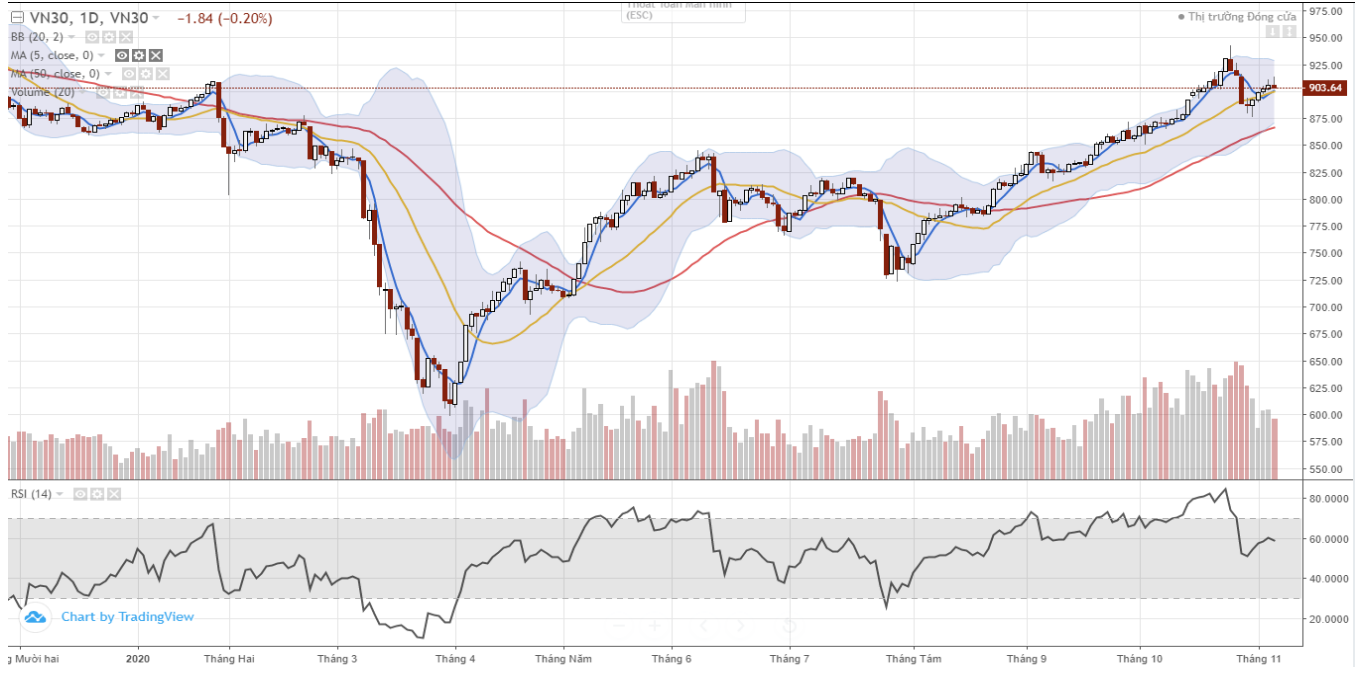
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với áp lực bán gia tăng về cuối phiên sau nỗ lực tăng đầu phiên bất thành.
- Vùng kháng cự quanh 944 vẫn tạo ra lực cản cho đà hồi phục của chỉ số trong ngắn hạn. Tuy nhiên, diễn biến kế tiếp đang rất khó đoán định khi kết quả bầu cử Mỹ có thể được công bố.
- NĐT được khuyến nghị tạm dừng lại quan sát, chỉ nâng tỷ trọng trở lại nếu VNIndex bứt phá thành công qua vùng cản trên và giữ được đà tăng về cuối phiên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 920 - 924

Kháng cự gần: 914 - 916

Hỗ trợ gần: 907 - 908

Hỗ trợ xa: 901 - 904

- Những nỗ lực tăng điểm của F1 trong phiên sáng đã suy yếu vào đầu giờ chiều và áp lực bán dần gia tăng vào cuối phiên, đẩy F1 rơi vào nhịp điều chỉnh nhẹ.
- Như vậy thêm 1 lần nữa, F1 vẫn chưa thể vượt qua được vùng cản then chốt để xác lập lại xu hướng tăng ngắn hạn. Sau nhịp điều chỉnh, F1 đang tạm vận động trong vùng trung tính và có thể cho tín hiệu rõ nét hơn khi kết quả bầu cử Mỹ được công bố vào ngày mai.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục giao dịch linh hoạt 2 chiều tại các vùng kháng cự/hỗ trợ nhưng bỏ qua các ngưỡng gần nếu bị xuyên thủng ngay đầu phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế SHORT đã mở ở vùng giá cao nhưng cần STOP và chờ mở lại ở vùng cản xa nếu chỉ số bứt phá thành công qua vùng cản gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

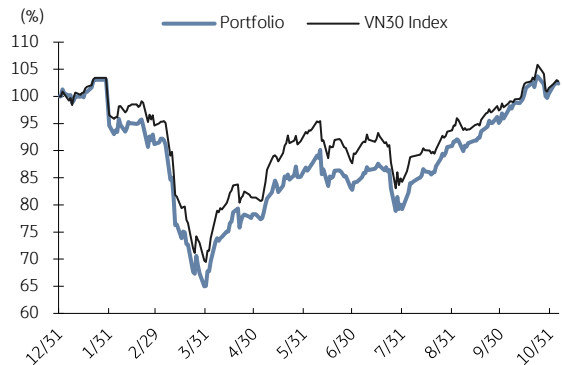
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.20% | -0.32% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 2.80% | 2.33% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 05/11/2020 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|--|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 106,800 | 0.0% | -7.9% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 27,300 | 0.7% | 1.9% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 72,600 | 1.3% | -5.3% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 18,300 | -0.8% | -7.2% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 41,800 | -0.2% | 22.9% | - Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 52,000 | -1.9% | 35.1% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 30,250 | -1.1% | 24.0% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| Vietjet (VJC) | 05/02/2019 | 105,700 | 0.2% | -18.2% | - Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 30,250 | -1.3% | 29.0% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 13,900 | 0.0% | 1.5% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VNM | 0.7% | 58.0% | 85.2 |
| VIC | 1.0% | 13.8% | 51.5 |
| MBB | -0.8% | 23.0% | 27.5 |
| HCM | -0.5% | 48.6% | 16.0 |
| PNJ | 1.3% | 49.0% | 15.3 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| MSN | 4.4% | 35.0% | -75.4 |
| HPG | -1.3% | 34.1% | -45.3 |
| VHM | -0.3% | 21.9% | -34.0 |
| HDB | 0.0% | 19.9% | -15.7 |
| GEX | -2.7% | 13.4% | -13.8 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHS | -2.3% | 7.6% | 6.9 |
| TNG | 1.7% | 8.8% | 1.9 |
| VCS | -1.1% | 2.8% | 0.4 |
| BNA | 5.2% | 0.1% | 0.2 |
| IDV | 0.2% | 16.0% | 0.2 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| SLS | 5.1% | 1.8% | -1.1 |
| CAN | -8.0% | 24.5% | -0.9 |
| VCG | -0.2% | 0.2% | -0.6 |
| NHA | 2.5% | 7.7% | -0.4 |
| NBC | -1.9% | 6.3% | -0.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Hóa chất | 6.8% | GVR, DPM |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 5.4% | PNJ, TCM |
| Bán lẻ | 4.3% | MWG, DGW |
| Dịch vụ tài chính | 3.9% | VCI, HCM |
| Bảo hiểm | 3.5% | BVH, BMI |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | -0.9% | PNC, YEG |
| Tài nguyên Cơ bản | -0.4% | HPG, TTF |
| Ô tô và phụ tùng | 0.7% | SVC, CTF |
| Y tế | 1.0% | DCL, OPC |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 1.1% | S4A, CNG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 8.6% | PNJ, RAL |
| Hóa chất | 6.9% | GVR, DCM |
| Tài nguyên Cơ bản | 6.3% | HPG, HSG |
| Thực phẩm và đồ uống | 5.1% | MSN, VNM |
| Bảo hiểm | 5.0% | BVH, BIC |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | -6.2% | YEG, PNC |
| Ô tô và phụ tùng | -5.7% | TCH, HHS |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -4.3% | GAS, POW |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -2.9% | GEX, ASG |
| Dầu khí | -2.7% | PVD, PLX |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 104,500 | 353,464 (15,251) | 69,463 (3.0) | 22.9 | 56.8 | 42.0 | 19.5 | 6.7 | 8.7 | 4.1 | 3.7 | 1.0 | 3.8 | 12.0 | -9.1 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 75,700 | 249,016 (10,744) | 181,039 (7.8) | 27.1 | 9.3 | 8.0 | 35.1 | 38.2 | 31.8 | 2.9 | 2.2 | -0.3 | -0.7 | -0.4 | -10.7 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 26,100 | 59,308 (2,559) | 121,781 (5.3) | 18.9 | 24.8 | 18.0 | -2.7 | 8.3 | 11.5 | 2.1 | 1.9 | 0.6 | 2.0 | -4.7 | -23.2 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 62,100 | 61,204 (2,641) | 86,846 (3.7) | 32.8 | 16.6 | 17.2 | 1.6 | 15.3 | 12.7 | 2.4 | - | -0.2 | 0.2 | -1.9 | 4.4 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 24,950 | 13,942 (602) | 21,718 (0.9) | 8.7 | 12.8 | 10.6 | 14.9 | 14.1 | 15.6 | 1.6 | 1.5 | 2.7 | 4.2 | 1.0 | -2.6 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 12,250 | 6,349 (274) | 67,118 (2.9) | 12.7 | 14.1 | 5.9 | -43.3 | 3.6 | 14.5 | 0.8 | 0.7 | -0.8 | 7.5 | 11.9 | -15.5 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 85,000 | 315,255 (13,602) | 77,249 (3.3) | 6.4 | 19.3 | 16.7 | 10.7 | 19.4 | 18.5 | 3.2 | 2.7 | 0.0 | 1.7 | 1.8 | -5.8 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 39,050 | 157,060 (6,777) | 94,033 (4.1) | 12.7 | 24.9 | 17.4 | -5.3 | 9.3 | 11.8 | 1.9 | 1.7 | -1.8 | 1.0 | -3.3 | -15.4 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 21,800 | 76,303 (3,292) | 552,548 (23.8) | 0.0 | 7.4 | 6.4 | 4.1 | 15.5 | 15.4 | 1.1 | 0.9 | -1.6 | 0.0 | -3.3 | -7.4 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 30,250 | 112,633 (4,860) | 269,933 (11.6) | 0.6 | 13.5 | 12.5 | 25.6 | 11.6 | 11.9 | 1.4 | 1.3 | -1.1 | 4.0 | 10.0 | 44.7 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 23,700 | 57,775 (2,493) | 179,607 (7.7) | 0.2 | 7.0 | 6.2 | 5.4 | 18.0 | 16.3 | 1.1 | 1.0 | -2.1 | 1.7 | -2.1 | 18.5 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 18,300 | 50,748 (2,190) | 120,234 (5.2) | 0.0 | 6.7 | 5.8 | 9.5 | 18.2 | 17.5 | 1.1 | 0.9 | -0.8 | 2.8 | 3.4 | 1.2 |
| | HDB | HDBANK | 25,200 | 31,644 (1,365) | 47,852 (2.1) | 1.7 | 7.8 | 5.9 | 20.3 | 19.1 | 18.5 | 1.1 | 0.9 | 0.0 | 6.8 | 1.6 | 18.9 |
| | STB | SACOMBANK | 13,350 | 24,079 (1,039) | 239,019 (10.3) | 14.4 | 12.6 | 9.7 | 16.4 | 10.4 | 9.2 | 0.9 | 0.8 | -2.2 | -1.1 | -2.6 | 32.8 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 23,400 | 19,108 (824) | 59,767 (2.6) | 0.0 | 6.4 | 5.2 | 29.4 | 22.4 | 20.3 | 1.2 | 1.0 | -1.1 | 2.9 | -7.0 | 11.2 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 17,200 | 21,146 (912) | 6,435 (0.3) | 0.0 | 37.0 | 35.5 | -6.9 | 3.6 | 3.6 | 1.3 | 1.3 | -0.3 | -0.3 | -0.9 | -3.4 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 52,200 | 38,749 (1,672) | 66,303 (2.9) | 20.6 | 31.8 | 26.8 | 2.5 | 6.3 | 7.7 | 2.0 | 1.9 | -0.8 | 4.0 | 8.8 | -23.9 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 26,850 | 2,453 (106) | 6,108 (0.3) | 14.5 | - | - | - | 8.2 | 9.1 | 1.1 | 1.0 | -0.6 | 1.3 | -6.6 | 8.3 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 17,250 | 10,366 (447) | 85,666 (3.7) | 50.1 | 11.7 | 10.7 | -15.9 | 9.2 | 9.7 | - | - | -1.4 | 0.9 | -5.5 | 10.9 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 38,900 | 6,442 (278) | 40,607 (1.8) | 73.0 | - | - | - | - | - | - | - | 0.0 | 8.7 | 20.8 | 31.9 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 21,800 | 6,650 (287) | 58,593 (2.5) | 51.4 | - | - | - | - | - | - | - | -0.5 | 5.1 | -2.2 | 2.1 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 15,700 | 3,274 (141) | 20,646 (0.9) | 16.2 | - | - | - | - | - | - | - | -0.9 | 4.7 | 3.3 | 9.0 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 108,800 | 227,353 (9,809) | 184,101 (7.9) | 42.0 | 22.2 | 20.3 | 6.5 | 37.4 | 37.8 | 7.8 | 7.1 | 0.7 | 1.8 | 1.4 | 12.1 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 184,500 | 118,316 (5,105) | 19,724 (0.9) | 36.9 | 27.7 | 23.5 | 1.8 | 22.3 | 25.0 | 5.8 | 5.1 | -0.5 | 0.0 | 0.0 | -19.1 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 87,900 | 103,255 (4,455) | 343,130 (14.8) | 14.0 | 118.6 | 44.8 | -59.6 | 2.3 | 5.9 | 3.2 | 3.1 | 4.4 | 4.6 | 57.0 | 55.6 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 11,000 | 12,194 (526) | 19,354 (0.8) | 48.9 | - | - | - | - | - | - | - | 0.9 | 0.9 | -9.5 | -20.9 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 105,700 | 55,370 (2,389) | 51,135 (2.2) | 12.6 | - | 17.7 | -91.0 | 0.0 | 20.3 | 3.8 | 3.4 | 0.2 | 3.3 | 0.9 | -27.7 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 23,400 | 6,948 (300) | 11,569 (0.5) | 0.0 | 17.6 | 15.2 | -53.6 | 6.6 | 7.4 | 1.2 | 1.1 | -1.1 | 4.5 | -6.4 | 0.4 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 16,600 | 3,965 (171) | 33,323 (1.4) | 38.0 | 8.4 | 7.8 | 142.2 | 9.6 | 9.4 | 0.8 | 0.7 | -2.1 | 0.3 | - | -26.2 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 2,230 | 1,266 (055) | 19,083 (0.8) | 47.4 | - | - | - | - | - | - | - | 0.0 | 0.5 | 1.4 | -87.1 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 19,950 | 9,376 (405) | 164,157 (7.1) | 35.6 | 24.4 | 10.5 | -20.9 | 10.5 | 13.6 | - | - | -2.7 | 3.1 | 16.2 | 3.1 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 57,000 | 4,349 (188) | 82,768 (3.6) | 2.7 | 6.9 | 7.5 | -33.0 | 7.6 | 7.0 | 0.5 | 0.5 | 2.0 | 0.9 | 14.9 | 11.1 |
| | REE | REE | 41,800 | 12,960 (559) | 17,693 (0.8) | 0.0 | 8.3 | 6.9 | -8.8 | 13.9 | 15.2 | 1.1 | 1.0 | -0.2 | 0.5 | -0.4 | 15.2 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiền ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 71,500 | 136,847 (5,904) | 69,539 (3.0) | 46.0 | 17.2 | 14.5 | -13.6 | 16.8 | 18.4 | 2.7 | 2.5 | -0.6 | 0.7 | -1.4 | -23.7 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,600 | 6,506 (281) | 3,812 (0.2) | 29.7 | 9.8 | 9.4 | -6.3 | 15.9 | 17.1 | 1.6 | 1.5 | 0.0 | 0.4 | -3.8 | 4.4 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 22,500 | 7,214 (311) | 3,997 (0.2) | 33.4 | 8.2 | 7.5 | -11.7 | 15.2 | 15.8 | 1.2 | 1.1 | -0.7 | 1.1 | -4.7 | -16.4 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 30,250 | 100,227 (4,324) | 512,974 (22.1) | 14.9 | 9.4 | 7.6 | 11.6 | 20.3 | 20.4 | 1.8 | 1.5 | -1.3 | -1.1 | 10.6 | 54.5 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,100 | 6,692 (289) | 38,980 (1.7) | 37.0 | 10.0 | 11.1 | 6.3 | 9.4 | 8.3 | 0.8 | 0.8 | 0.6 | 7.5 | -1.2 | 32.0 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 12,500 | 6,618 (286) | 40,679 (1.8) | 45.3 | 15.3 | 18.7 | -14.4 | 7.6 | 6.2 | - | - | -0.8 | 7.3 | 3.3 | 92.3 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 16,200 | 7,198 (311) | 177,901 (7.7) | 39.5 | 8.8 | 7.9 | 71.2 | 13.3 | 12.2 | - | - | -1.5 | 9.5 | 4.9 | 117.8 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 11,000 | 2,439 (105) | 16,383 (0.7) | 97.7 | 5.9 | 6.7 | 39.3 | 13.3 | 10.5 | 0.6 | 0.5 | -1.8 | 1.4 | -7.2 | -9.1 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 48,700 | 59,356 (2,561) | 14,900 (0.6) | 4.0 | 49.6 | 16.7 | -41.4 | 5.4 | 15.3 | 2.4 | 2.1 | -0.2 | 1.0 | -3.0 | -13.0 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 11,000 | 4,632 (200) | 55,804 (2.4) | 39.8 | 42.2 | 35.8 | -14.7 | 0.9 | 1.2 | 0.3 | 0.3 | -1.8 | 2.3 | 10.6 | -26.9 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 13,700 | 3,856 (166) | 30,235 (1.3) | 31.6 | 8.2 | 7.5 | -12.5 | 10.2 | 10.3 | 0.7 | 0.7 | -1.4 | 4.6 | -6.2 | -18.5 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 106,800 | 48,338 (2,086) | 93,244 (4.0) | 0.0 | 13.0 | 9.8 | 10.5 | 26.6 | 28.2 | 3.2 | 2.5 | 0.0 | 4.4 | 2.7 | -6.3 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 72,600 | 16,344 (705) | 74,437 (3.2) | 0.0 | 18.4 | 15.2 | -0.9 | 20.5 | 22.9 | 3.2 | 3.0 | 1.3 | 8.7 | 18.6 | -15.6 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 44,300 | 1,386 (060) | 1,369 (0.1) | 69.5 | 18.6 | 13.6 | -28.1 | 6.7 | 8.5 | 1.2 | 1.1 | -1.3 | -0.4 | -7.3 | 19.7 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 22,400 | 1,769 (076) | 11,505 (0.5) | 13.4 | 15.0 | 10.6 | -48.5 | 6.8 | 12.1 | 1.2 | 1.1 | 0.4 | 5.7 | -6.9 | 6.4 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 56,800 | 7,696 (332) | 49,041 (2.1) | 36.6 | 7.9 | 7.3 | 24.4 | 35.7 | 31.2 | 2.6 | 2.2 | -2.1 | 3.6 | -3.2 | 48.7 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 103,000 | 13,467 (581) | 418 (0.0) | 45.2 | 19.8 | 18.3 | 8.0 | 20.7 | 20.1 | 3.8 | 3.6 | 0.0 | 1.0 | -1.1 | 12.6 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 70,100 | 5,258 (227) | 218 (0.0) | 37.9 | 14.9 | - | 7.3 | 16.4 | - | 2.4 | - | 0.0 | 1.2 | 1.6 | 29.1 |
| IT | FPT | FPT CORP | 52,000 | 40,763 (1,759) | 121,645 (5.2) | 0.0 | 11.9 | 10.3 | 19.1 | 22.7 | 23.5 | 2.4 | 2.1 | -1.9 | 2.2 | 3.0 | 2.6 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.